

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2025/DS-ST
Ngày: 28/02/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Lang

Bà Nguyễn Thị Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trân – Thư ký Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2017/20247/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-DS ngày 07/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: 266-268 đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973

Giấy ủy quyền số 533/2024/UQ-TGD ngày 09/01/2024.

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Hữu A, sinh năm 1983

Địa chỉ: 214/46 Đường V, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 13/6/2024 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Minh T tại bản tự khai và các biên bản hòa giải:

Ngân hàng TMCP S (Từ sau đây viết tắt là “Ngân hàng”) và ông Ngày 20/04/2016, ông Trương Hữu A có ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và đã đọc Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ đề nghị của ông A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.720.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/09/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã yêu cầu ông A có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên ông A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Tính đến ngày 06/01/2025 ông A còn nợ 70.626.861 đồng, cụ thể:

- Dư nợ gốc: 16.212.651 đồng
- Lãi quá hạn: 54.414.210 đồng

Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Hữu A thanh toán toàn bộ số vốn gốc và lãi phát sinh từ ngày 07/01/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 20/4/2016 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Án phí do ông Trương Hữu A chịu.

* Bị đơn, ông Trương Hữu A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông A vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa,

Đại diện của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và nộp bản tự khai có nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/02/2025 phát sinh từ Thẻ tín dụng JCB JSpeedy Cre Classic - Phi RTM số thẻ 356480-1501 là: 71.700.959 đồng, bao gồm:

- Nợ gốc: 16.212.651 đồng;
- Lãi quá hạn: 55.488.308 đồng.

Ông A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/3/2025 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông A phải chịu tiền án phí.

Bị đơn: Vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 3 Điều

26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, bị đơn có địa chỉ cư trú cuối cùng tại 214/46 Đường V, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với việc sử dụng thẻ tín dụng nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ triệu tập bị đơn để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 07/02/2025 và phiên tòa hôm nay nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, bị đơn không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[3.2] Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/4/2016 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Theo tóm tắt sao kê, bị đơn đã kích hoạt và sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 30/6/2016 nên đã phát sinh các quyền và nghĩa vụ đã ký thỏa thuận với ngân hàng.

[3.3] Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết sử dụng thẻ tín dụng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ kể từ kỳ thanh toán ngày 30/6/2017 cho đến nay. Do bị đơn vi phạm các nghĩa vụ trả nợ như cam kết tại Điều 23 của bản Điều khoản nên ngày 01/9/2017 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, đồng thời khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7,8,12 Nghị quyết 01/2019NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.4] Tạm tính đến ngày 28/02/2025, tổng số tiền bị đơn còn nợ là 71.700.959 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 16.212.651 đồng;
- Lãi quá hạn: 55.488.308 đồng.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/3/2025), bị đơn còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/4/2016, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán dứt khoản nợ.

[3.5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.234.818 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Ông Trương Hữu A có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/4/2016, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là 71.700.959 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 16.212.651 đồng;
- Lãi quá hạn: 55.488.308 đồng.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Ông Trương Hữu A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/4/2016 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Hữu A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.585.048 (Ba triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi tám) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.579.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0028623 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và Ông Trương Hữu A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận B;
- THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhon

Hồ Thị Lang

Nguyễn Kiều Trang